

Số: 1220/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1160/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2026 về việc ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Tăng Thị H**, sinh năm 1995; Số định danh cá nhân: 030195010616; HKTT: **Thôn M, xã H, thành phố Hà Nội**; nơi ở: **Xóm D, thôn L, xã H, thành phố Hải Phòng**.

- Bị đơn: Anh **Trương Văn Đ**, sinh năm 1987; Số định danh cá nhân: 001087003501; HKTT và nơi ở: **Thôn M, xã H, thành phố Hà Nội**.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 81, 82, 83, 107 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **24/7/2026**;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **24/7/2026** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Tăng Thị H** và anh **Trương Văn Đ**.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Tăng Thị H** và anh **Trương Văn Đ**.

2. Về con chung: Chị **Tăng Thị H** và anh **Trương Văn Đ** xác nhận anh, chị có 01 con chung là: **Trương Minh H1**, sinh ngày 16/4/2020 (nam):

Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Tăng Thị H** và anh **Trương Văn Đ**: Giao con chung là **Trương Minh H1**, sinh ngày 16/4/2020 (nam) cho chị **Tăng Thị H** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Trương Văn Đ** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị **H** số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh **Trương Văn Đ** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị **Tăng Thị H** và anh **Trương Văn Đ** thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

4. Về nợ chung: Chị **Tăng Thị H** và anh **Trương Văn Đ** thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

5. Về án phí: Chị **Tăng Thị H** tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình đã nộp theo biên lai thu số 0002138 ngày 24/7/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh **Trương Văn Đ** phải nộp 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Tiến Khoa